



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

.....
Hà Nội, tháng 04 năm 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101409374 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 23 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 12 năm 2014
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000 (ba mươi tỷ) đồng
- Địa chỉ: Số 01 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Văn phòng giao dịch: Tầng 15, tòa nhà DETECH TOWER, số 08C Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 04.3518.2072
- Số fax: 04.3518.2067
- Website: www.piacom.com.vn

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Tin học viễn thông Petrolimex (PIACOM) được cổ phần hóa từ Trung tâm Tin học và Tự động hóa Petrolimex theo công văn số 589/CP-ĐMDN ngày 08/05/2003 của Thủ tướng Chính Phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103002925 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2003 và thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 12 năm 2014. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30 tỷ đồng.

Trong quá trình phát triển, PIACOM tự hào đã góp phần vào sự nghiệp hiện đại hóa ngành kinh doanh xăng dầu Việt Nam. Các ứng dụng Công nghệ thông tin và Tự động hóa do Công ty cung cấp đã làm thay đổi diện mạo hoạt động quản lý kinh doanh xăng dầu tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam từ những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ 20; tạo dựng uy tín chữ P từ hình ảnh nhà phân phối và cung cấp dịch vụ xăng dầu chuyên nghiệp, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và văn minh thương mại tại hệ thống kho tàng, bến xuất và hàng ngàn cửa hàng bán lẻ xăng dầu đã được xây dựng mới trong gần 25 năm qua.

Các sản phẩm Công nghệ thông tin và Tự động hóa của PIACOM là sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ tiên tiến với quy trình nghiệp vụ căn bản và kinh nghiệm quản lý được tích lũy qua nhiều cơ chế và từng thế hệ cán bộ nhân viên ngành Xăng dầu. Hệ thống các phần mềm PIS (Petrolimex Information System), PBM (Petrolimex Business Management), EGAS (Enterprise Gas) đã trở thành những sản phẩm thân thuộc, gắn gũi trong các hoạt động kinh doanh của ngành Xăng dầu; Hệ thống tự động hóa bến xuất (Ferry LAS.r, Truck LAS.s...) là một bộ phận không thể thiếu trong các kho, Tổng kho xăng dầu hiện đại trên lãnh thổ Việt Nam.

PIACOM ngày nay đã có mặt trên khắp miền đất nước. Với đội ngũ chuyên nghiệp 100 thạc sỹ, kỹ sư Công nghệ thông tin và Tự động hóa, PIACOM sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu quản lý xăng dầu bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến, luôn được cập nhật từ các hãng cung cấp hàng đầu thế giới.

Với sự phát triển không ngừng trong hoạt động kinh doanh cũng như về quy mô tổ chức của Công ty, việc chuyển đổi thành Công ty đại chúng, tiến tới niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán là hướng đi cần thiết và tất yếu của PIACOM. Mô hình Công ty đại chúng sẽ tạo ra những điều kiện tốt về tài chính cũng như tổ chức để Công ty tăng cường đẩy mạnh các hoạt động đầu tư kinh doanh về cả chiều sâu lẫn quy mô.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số: 2707/UBCKNN-QLPH ngày 29/05/2015. Công ty đã thực hiện đăng báo về việc trở thành Công ty đại chúng trên Thời báo Tài chính Việt Nam số ra ngày 17/06/2015, 19/06/2015 và 22/06/2015 và đăng tải các tài liệu trên website Công ty. Công ty thực hiện công bố thông tin và nộp phí theo quy định.

1.2. Các mốc sự kiện quan trọng trong năm 2015

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số: 2707/UBCKNN-QLPH ngày 29/05/2015. Công ty đã chính thức vận hành công ty đại chúng và tiến tới niêm yết cổ phiếu trên sàn Chứng khoán.

Ký kết hợp đồng xuất khẩu phần mềm sang thị trường Lào: Cung cấp hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp EGAS-ERP cho Công ty Xăng dầu Quốc gia Lào và cung cấp phần mềm quản lý kinh doanh cửa hàng bán lẻ xăng dầu cho Công ty TNHH Petrolimex Lào.

Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động của Chi nhánh kể từ ngày 01/04/2015 để tạo sự thống nhất trong hệ thống, tinh gọn bộ máy, tập trung nguồn lực xây dựng và cung cấp giải pháp trọn gói cho khách hàng tạo sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Công ty đã tổ chức 11 khóa đào tạo nội bộ với 472 lượt người.

Ngày 08/04/2015, tại khách sạn Cầu Giấy, Công ty tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. ĐHCĐ quyết định chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 13,5%.

Ngày 19/05/2015, Công ty tổ chức đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015-2020 thống nhất mục tiêu tổng quát là xây dựng Chi bộ đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ trong chỉ đạo tổ chức kinh doanh, giữ vững vị thế doanh nghiệp công nghệ thông tin và tự động hóa hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

Kết thúc năm 2015, Công ty đã triển khai xong trên toàn bộ hệ thống cửa hàng bán lẻ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cho 2.416 cửa hàng; triển khai tự động hóa cửa hàng cho 1.494 cửa hàng/1.720 cửa hàng; Triển khai thành công dự án Tự động hóa phối trộn nhiên liệu sinh học tại Công ty Xăng dầu KV3, KV5, Tổng kho Xăng dầu Miền Tây (Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ); Hoàn thành triển khai dự án Tự động hóa bến xuất xe bồn kho Cát Lái của Công ty TNHH MTV SàiGon Petro và triển khai thành công nhiều dự án quan trọng khác cũng như thúc đẩy xúc tiến tại các thị trường nước ngoài trong khu vực ASEAN.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý doanh nghiệp; dịch vụ Triển khai sản phẩm phần mềm quản trị doanh nghiệp ERP;
- Tư vấn đầu tư các công trình Tự động hóa; Cung cấp thiết bị và dịch vụ tích hợp hệ thống tự động hóa ngành xăng dầu;
- Cung cấp các thiết bị công nghệ thông tin và dịch vụ công nghệ thông tin;
- Dịch vụ đào tạo và chuyển giao tri thức về công nghệ thông tin.

2.2. Địa bàn kinh doanh

Hiện nay, các dự án Công ty triển khai trong phạm vi 62/63 tỉnh thành trong cả nước và tại thị trường Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo quy định Luật doanh nghiệp và các văn hướng dẫn. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Bộ máy quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc.

Điều lệ Công ty quy định Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ chuyên trách thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật; Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm thì Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

3.1.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

3.1.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- Yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị đến 31/12/2015 bao gồm:

Ông Trần Ngọc Năm	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Thanh Sơn	Ủy viên HĐQT - Giám đốc Công ty
Ông Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty
Ông Vũ Hoàng Liên	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Hải Đường	Ủy viên HĐQT

3.1.3. Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban kiểm soát để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và kiểm soát viên có thể được bầu lại. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng vi phạm quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Thành viên Ban kiểm soát tại ngày 31/12/2015:

Bà Đặng Thị Hồng Hà	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Cung Thị Lê Hà	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Cao Thị Hồng Vân	Thành viên Ban kiểm soát

3.1.4. Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp.

Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Phó Giám đốc là người giúp cho Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

Thành viên Ban Giám đốc trong năm 2015:

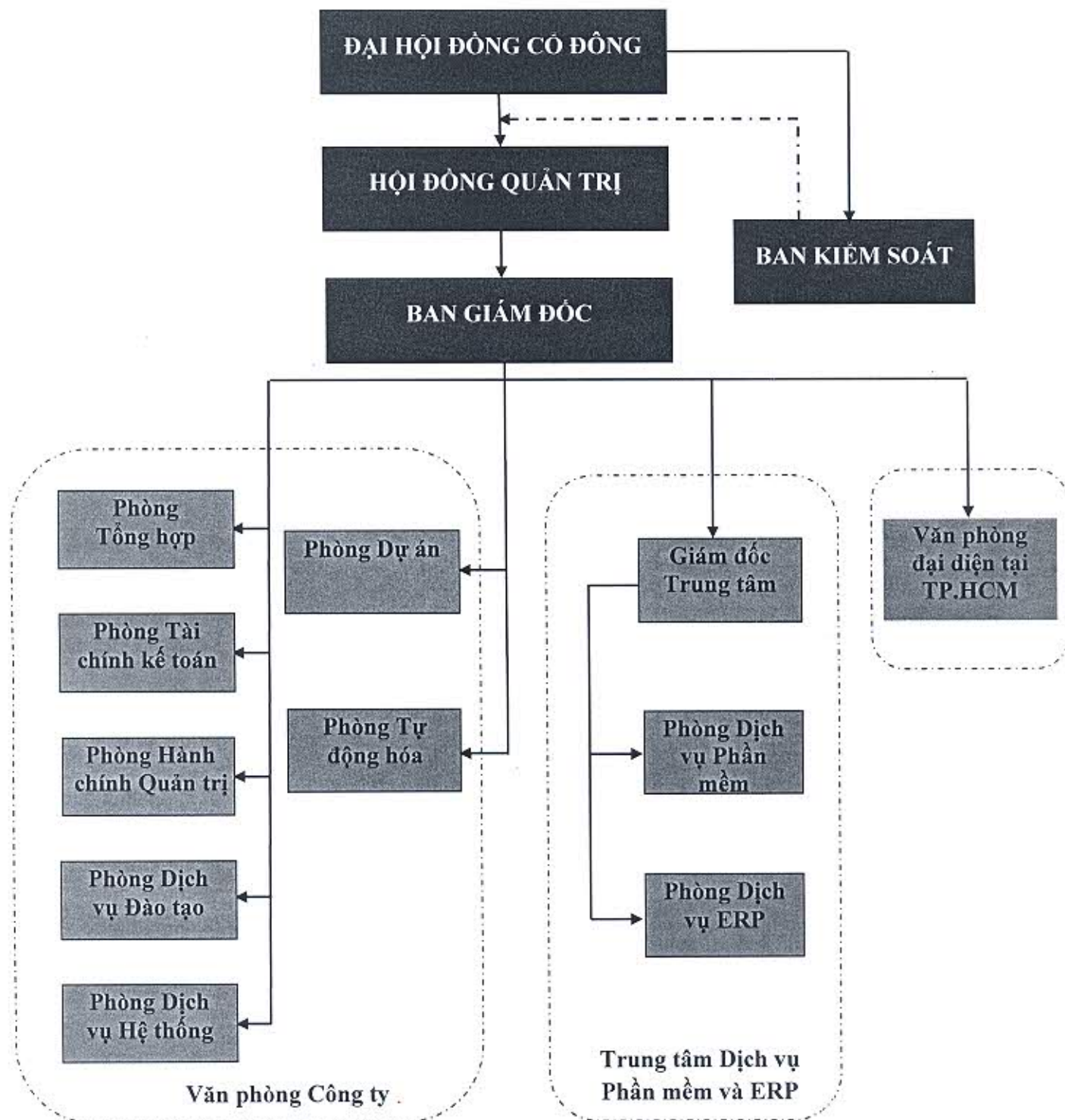
Ông Phan Thanh Sơn

Giám đốc

Ông Trần Ngọc Tuấn

Phó giám đốc

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm Văn phòng Công ty và Văn phòng đại diện Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

3.1.3. Các công ty con, công ty liên kết

Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Luôn là doanh nghiệp công nghệ thông tin và tự động hóa ngành xăng dầu hàng đầu Việt Nam trong ít nhất 5 năm tới.

Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm tới từ 10-15%/năm.

Doanh số hoạt động kinh doanh tại thị trường quốc tế và thị trường ngoài ngành chiếm 30% trong vòng 5 năm tới;

Tỷ lệ chi trả cổ tức trên 15%/năm trong 5 năm tới.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty xác lập trở thành đơn vị Công nghệ thông tin mạnh của Việt Nam, đứng đầu về triển khai dịch vụ của ngành xăng dầu.

Về trung hạn: Công ty chú trọng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển, tạo ra một danh mục sản phẩm hoàn thiện, chuyên biệt đủ sức cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường công tác quản trị nội bộ, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị doanh nghiệp. Chương trình phát triển nhân sự sẽ được thực thi nhằm đảm bảo nguồn lực cho sản xuất kinh doanh liên tục tăng trưởng và ngày càng mở rộng.

Về dài hạn: Các mảng kinh doanh sẽ được tách rời nhằm tăng cường sự chuyên môn hóa và tăng động lực phát triển ở thời điểm thích hợp. Mô hình tổ chức và quản lý tương lai theo hướng bán tập trung sẽ được thiết lập.

4.3. Phát triển bền vững

Là doanh nghiệp công nghệ thông tin và tự động hóa ngành xăng dầu hàng đầu Việt Nam, PIACOM nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển bền vững, luôn kết hợp và đảm bảo sự cân bằng trong thực hiện mục tiêu kinh tế, môi trường và trách nhiệm xã hội:

- Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận;
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tham gia và đóng góp tích cực cho các hoạt động vì cộng đồng;
- Thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước;
- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

5. Các rủi ro:

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu; không phát triển được những sản phẩm hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng và những dịch vụ tin học đặc thù có khả năng khai thác bền vững trên quy mô lớn.

Rủi ro về nguồn nhân lực dẫn tới số lượng, chất lượng nguồn nhân lực không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những tiêu chuẩn mới về lao động trong ngành công nghệ thông tin.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với Công ty. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Rủi ro kinh doanh thông thường như nợ xấu mất kiểm soát, đặc biệt là các khách hàng ngoài hệ thống Petrolimex, hàng tồn tăng cao, biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, thay đổi của giá thị trường,...

Rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư: Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

Rủi ro về pháp lý: Hoạt động kinh doanh có quy mô ngày càng lớn không chỉ nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Các chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty thường xuyên được thay đổi tạo ra những rủi ro nếu không kịp thời thích ứng. Sự khác biệt lớn trong hệ thống luật pháp cũng như văn hóa khi phát triển kinh doanh tại thị trường quốc tế đang là thách thức ngày càng lớn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Thực hiện 2015/Thực hiện 2014 (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đ	105.717	119.548	113,08
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	9.233	16.252	176,0
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đ	7.553	13.504	178,8
4	Tỷ lệ chia cổ tức	%	13,5	18	133,3
5	Tổng giá trị đầu tư	Triệu đ	3.012	3.011	99,9

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015; Tài liệu Công ty)

Trong đó:

Doanh thu đạt 119.548 triệu đồng bằng 113,08% so với năm 2014 và bằng 100,29% so với kế hoạch được giao. Lợi nhuận trước thuế đạt 16.252 triệu đồng, bằng 176,0 so với năm 2014, bằng 155,24% so với kế hoạch năm.

Doanh thu ngoài ngành là 20.455 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 17,11%.

Doanh thu xuất khẩu 1,08 tỷ đồng.

Tổng giá trị hợp đồng kinh tế ký kết 158,99 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Danh sách Ban điều hành Công ty tại ngày 31/12/2015:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu
1	Phan Thanh Sơn	20/08/1962	Cử nhân Kế toán	Giám đốc Công ty	24.530
2	Trần Ngọc Tuấn	13/06/1975	Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Tự động hóa	Phó giám đốc Công ty	23.915
3	Nguyễn Văn Quý	05/05/1983	Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Kế toán trưởng	22.820
4	Trần Quang Hùng	01/04/1976	Kỹ sư Tin học	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phần mềm và ERP	2.839
5	Trần Đăng Dũng	07/03/1982	Kỹ sư điện tử viễn thông	Trưởng phòng Dự án	26.384
6	Phạm Vũ Hoàng	13/02/1976	Thạc sĩ Tin học	TP Tổng hợp, HCQT	3.783
7	Vũ Văn Yết	09/08/1966	Kỹ sư Toán tin; Cử nhân Kinh tế	Trưởng phòng Dịch vụ phần mềm	10.497
8	Vũ Thị Hằng	27/11/1983	Cử nhân Tiếng Anh, Quản trị kinh doanh	Trưởng phòng Dịch vụ ERP	1.497
9	Phạm Hoàng Long	28/11/1976	Thạc sĩ ĐKTD	Trưởng phòng Tự động hóa	7.559
10	Hoàng Ngọc Đăng	22/01/1980	Cử nhân Toán TK; Thạc sĩ kinh tế	Trưởng phòng Dịch vụ Đào tạo	2.494
11	Trần Văn Cường	28/05/1980	Cử nhân KH-CNTT	Trưởng phòng Dịch vụ Hệ thống	4.994
12	Trần Ngọc Vĩnh	15/12/1974	Kỹ sư cơ điện tử	Trưởng văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	2.997

Trích yếu lý lịch thành viên Ban điều hành

1. Phan Thanh Sơn - Giám đốc Công ty

Quá trình công tác:

- 06/1987 - 10/1987: Ban liên hiệp xã thủ công nghiệp - Tài vụ, Vĩnh Phú;
- 11/1987 - 09/1991: Phụ trách phòng Kế toán xí nghiệp dệt nhuộm, Vĩnh Phú;
- 10/1991 - 05/1992: Nhân viên phòng Kế toán Công ty XD&QLĐ Việt Trì;
- 06/1992 - 05/1993: Nhân viên phòng Kế toán Công ty Xăng dầu Vĩnh Phú;
- 06/1993 - 12/2000: Phó phòng Kế toán Công ty Xăng dầu Vĩnh Phú;
- 01/2001 - 06/2002: Phó phòng Kế toán Công ty Xăng dầu Phú Thọ;
- 07/2002 - 05/2003: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu Phú Thọ;
- 06/2003 - 05/2008: Phó phòng TCKT Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam;
- 06/2008 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty PIACOM.

2. Trần Ngọc Tuấn - Phó Giám đốc Công ty

Quá trình công tác:

- 10/1997 - 06/2002: Chuyên viên Trung tâm Tin học & Tự động hóa Petrolimex;

- 07/2002 - 12/2008: Chuyên viên Phòng Công nghệ thông tin Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam;
- 01/2009 - 06/2009: Phó Giám đốc Công ty PIACOM
- 07/2009 - 03/2011: Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh PIACOM;
- 04/2011 - 02/2013: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh PIACOM;
- 03/2013 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc Công ty.

3. Nguyễn Văn Quý - Kế toán trưởng

Quá trình công tác:

- Từ 10/2006 - 10/2008: Chuyên viên Phòng Kế toán Tài chính Công ty PIACOM;
- Từ 11/2008 - 06/2009: Phó trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty PIACOM;
- Từ 07/2009 - 02/2012: Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty PIACOM;
- Từ 03/2012 đến nay: Kế toán trưởng Công ty PIACOM.

4. Trần Quang Hùng - Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phần mềm và ERP

Quá trình công tác:

- Từ 02/2001 - 09/2003: Chuyên viên Trung tâm Tin học & Tự động hóa Petrolimex;
- Từ 10/2003 - 04/2005: Chuyên viên Phòng Tin học Công ty PIACOM;
- Từ 05/2005 - 02/2007: Phó Trưởng phòng Tin học Công ty PIACOM;
- Từ 03/2007 - 07/2007: Phó trưởng phòng, Quyền trưởng phòng Giải pháp phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 08/2007 - 10/2009: Trưởng phòng Giải pháp phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 11/2009 - 12/2014: Trưởng phòng Dịch vụ ERP Công ty PIACOM;
- Từ 12/2014 đến nay: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Phần mềm và ERP.

5. Trần Đăng Dũng - Trưởng phòng Dự án

Quá trình công tác:

- Từ 09/2005 - 09/2006: Chuyên viên Phòng Dịch vụ Viễn thông Công ty PIACOM;
- Từ 10/2006 - 11/2008: Chuyên viên Phòng Thiết bị mạng Công ty PIACOM;
- Từ 12/2008 - 06/2009: Trưởng nhóm Quản trị Hệ thống Phòng Dự án Công ty PIACOM;
- Từ 07/2009 - 02/2013: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty PIACOM;
- Từ 03/2013 - 03/2015: Giám đốc Chi nhánh Công ty PIACOM;
- Từ 04/2015 đến nay: Trưởng phòng Dự án Công ty PIACOM;

6. Phạm Vũ Hoàng - Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính Quản trị

Quá trình công tác:

- Từ 02/2001 - 09/2003: Chuyên viên Trung tâm Tin học & Tự động hóa Petrolimex;

- Từ 10/2003 - 03/2007: Chuyên viên Phòng Tin học Công ty PIACOM;
- Từ 04/2007 - 04/2007: Chuyên viên Phòng Giải pháp Phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 05/2007 - 08/2007: Trưởng nhóm Triển khai Cửa hàng xăng dầu Phòng Giải pháp Phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 09/2007 - 10/2009: Phó trưởng phòng Giải pháp Phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 11/2009 - 08/2013: Phó trưởng phòng Dịch vụ Phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 09/2013 - 02/2015: Trưởng phòng Dịch vụ Đào tạo Công ty PIACOM;
- Từ 03/2015 đến nay: Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính Quản trị Công ty PIACOM.

7. Vũ Văn Yết - Trưởng phòng Dịch vụ phần mềm

Quá trình công tác:

- Từ 11/1989 - 7/1993: Giáo viên Trường Tiểu học Hóa Chất, Phong Châu;
- Từ 8/2003 - 01/2001: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Xăng dầu Vĩnh Phú;
- Từ 02/2001 - 9/2009: Phó Trưởng phòng Công ty Xăng dầu Phú Thọ;
- Từ 10/2009 - 02/2012: Phó Trưởng phòng Dự án Công ty PIACOM;
- Từ 03/2012 - 05/2014: Phó Trưởng phòng Dịch vụ phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 06/2014 đến nay: Trưởng phòng Dịch vụ phần mềm Công ty PIACOM.

8. Vũ Thị Hằng - Trưởng phòng Dịch vụ ERP

Quá trình công tác:

- Từ 02/2008 - 08/2009: Nhân viên Cty CP TMCNM Kim Tự Tháp;
- Từ 10/2009 - 01/2010: Nhân viên tư vấn Cty TNHH Tectura tại TP. HCM;
- Từ 02/2010 - 05/2012: Chuyên viên P. DV ERP Cty PIACOM;
- Từ 06/2012 - 02/2013: Quản trị trưởng Dự án PIACOM_ERPSAP;
- Từ 03/2013 - 11/2014: Phó Trưởng phòng Dịch vụ ERP Công ty PIACOM;
- Từ 12/2014 đến nay: Trưởng phòng Dịch vụ ERP Công ty PIACOM.

9. Phạm Hoàng Long - Trưởng phòng Tự động hóa

Quá trình công tác:

- Từ 09/1999 - 09/2003: Chuyên viên Tự động hóa Trung tâm Tin học & Tự động hóa Petrolimex;
- Từ 10/2003 - 09/2004: Chuyên viên Phòng Tự động hóa Công ty PIACOM;
- Từ 03/2005 - 12/2007: Phó giám đốc Kỹ thuật Công ty CP Công nghệ Hà Thái;
- Từ 01/2008 - 09/2008: Kỹ sư Tự động hóa Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Hải;
- Từ 10/2008 - 12/2008: Chuyên viên Phòng Tự động hóa Công ty PIACOM;
- Từ 01/2009 - 03/2010: Phó trưởng phòng Tự động hóa Công ty PIACOM;

- Từ 04/2010 đến nay: Trưởng phòng Tự động hóa Công ty PIACOM.

10. Hoàng Ngọc Đăng - Trưởng phòng Dịch vụ Đào tạo

Quá trình công tác:

- Từ 01/2004 - 03/2005: Chuyên viên nhóm Đào tạo TTTH&TĐH Petrolimex;
- Từ 04/2005 - 03/2006: Chuyên viên Phòng Đào tạo Cty PIACOM;
- Từ 04/2006 - 03/2007: Chuyên viên Phòng Tin học Cty PIACOM;
- Từ 04/2007 - 10/2009: Chuyên viên Phòng GPPM Cty PIACOM;
- Từ 11/2009 - 03/2013: Chuyên viên Phòng DVPM Cty PIACOM;
- Từ 03/2013 - 02/2015: Chuyên viên Phòng Dịch vụ Đào tạo Cty PIACOM;
- Từ 03/2015 - 11/2015: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Đào tạo Công ty PIACOM.
- Từ 11/2015 đến nay: Trưởng phòng Dịch vụ Đào tạo Công ty PIACOM

11. Trần Văn Cường - Trưởng phòng Dịch vụ Hệ thống

Quá trình công tác:

- Từ 06/2005 - 03/2007: Chuyên viên Phòng Tin học Công ty PIACOM;
- Từ 04/2007 - 05/2007: Chuyên viên Phòng Giải pháp Phần mềm Công ty PIACOM;
- Từ 06/2007 - 07/2008: Chuyên viên Phòng Thiết bị mạng Công ty PIACOM;
- Từ 08/2008 - 11/2008: Chuyên viên Chi nhánh Công ty PIACOM;
- Từ 12/2008 - 06/2009: Chuyên viên Phòng Dự án Công ty PIACOM;
- Từ 07/2009 - 08/2010: Trưởng nhóm Quản trị Hệ thống Phòng Kinh doanh & Giải pháp kỹ thuật Chi nhánh Công ty PIACOM;
- Từ 09/2010 - 03/2015: Trưởng phòng Kỹ thuật Chi nhánh Công ty PIACOM;
- Từ 04/2015 - 11/2015: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Hệ thống Công ty PIACOM;
- Từ 11/2015 đến nay: Trưởng phòng Dịch vụ Hệ thống Công ty PIACOM.

12. Trần Ngọc Vinh - Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

Quá trình công tác:

- Từ 1996 - 1997: Nhân viên Lái xe XN DAVI Taxi - TP. Hồ Chí Minh;
- Từ 1997 - 2000: Lái xe và đóng kiện hàng vải, Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Từ 2006 - 2007: Nhân viên Công ty PIACOM;
- Từ 7/2007 - 2010: PTP. TĐH Công ty PIACOM;
- Từ 2010 - 2011: Nhân viên Công ty CP Kỹ Thuật MeGa;
- Từ 11/2011 - 02/2012: Nhân viên Công ty PIACOM;
- Từ 03/2012 đến nay: Trưởng Văn phòng đại diện Công ty tại TP. Hồ Chí Minh.

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2015

STT	Họ và tên	Chức vụ trước thay đổi	Chức vụ sau thay đổi	Lý do thay đổi	Thời điểm có hiệu lực
1	Trần Đăng Dũng	Giám đốc Chi nhánh	Trưởng phòng Dự án	Điều động cán bộ	01/04/2015
2	Trần Văn Cường	Phó giám đốc Chi nhánh	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Hệ thống	Điều động cán bộ	01/04/2015
		Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Hệ thống	Trưởng phòng Dịch vụ Hệ thống	Bỏ nhiệm	16/11/2015
3	Bùi Thị Hoài Giang	Trưởng phòng Tổng hợp - HCQT		Chuyển công tác	01/03/2015
4	Phạm Vũ Hoàng	Trưởng phòng Dịch vụ Đào tạo	Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính Quản trị	Điều động cán bộ	01/03/2015
5	Hoàng Ngọc Đăng	Chuyên viên phòng Dịch vụ Đào tạo	Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Đào tạo	Bỏ nhiệm	01/03/2015
		Phó trưởng phòng phụ trách phòng Dịch vụ Đào tạo	Trưởng phòng Dịch vụ Đào tạo	Bỏ nhiệm	16/11/2015

(Nguồn: Danh sách cán bộ và trích yếu lý lịch cán bộ Công ty năm 2015)

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 92 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ		
1	Trình độ trên Đại học	12	13,04
2	Trình độ Đại học	77	83,70
3	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	02	02,17
4	Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	01	01,09
II	Theo tính chất lao động		
1	Lao động trực tiếp	49	53,26
2	Lao động gián tiếp	43	46,74
III	Theo giới tính		
1	Lao động nữ	22	23,91
2	Lao động nam	70	76,09

(Nguồn: Danh sách cán bộ nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2015)

*** Chính sách đối với người lao động**

Chế độ làm việc bao gồm:

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết: Cán bộ nhân viên được nghỉ Lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- 100% CBNV đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định.
- Nghỉ ốm đau, thai sản: Cán bộ nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực và trình độ, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng hoạt động kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhất định.
- Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên, thông qua hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài. Cán bộ nhân viên được Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong và ngoài nước trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi:

- Công ty đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.
- Công ty thường xuyên thực hiện đánh giá năng lực, ý thức, hiệu quả công tác và mức độ đóng góp của cán bộ nhân viên cho sự phát triển của Công ty để áp dụng chính sách khen thưởng phù hợp. Hàng năm, Công ty tổng kết và tiến hành tuyên dương khen thưởng xứng đáng cho các tập thể, cá nhân có thành tích và đóng góp xuất sắc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Công ty tập trung đầu tư xây dựng sản để cung cấp ra ngoài thị trường Petrolimex; Đầu tư hệ thống camera giám sát và nâng cấp hệ thống họp trực tuyến. Đầu tư mở rộng và nâng cấp phòng LAB.

Trong năm 2015, Công ty đã triển khai các dự án chính sau:

- Tiếp tục triển khai dự án Cung cấp và triển khai phần mềm quản lý hệ thống cửa hàng xăng dầu (Egas): Kết thúc năm 2015 đã triển khai xong trên toàn bộ hệ thống cửa hàng bán lẻ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cho 2.416 cửa hàng; triển khai nội dung Tự động hóa (Agas) cho 1.494 CH/1720CHXD; phát triển sản phẩm quản trị Chi

phí-Tiền lương trên Egas và triển khai thành công tại Công ty Xăng dầu Khu vực I, Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi; triển khai sản phẩm bán hàng tự phục vụ tại 09 Cửa hàng của Công ty Xăng dầu Khu vực I.

- Triển khai thành công dự án Tự động hóa phối trộn nhiên liệu sinh học tại Công ty Xăng dầu Khu vực V; Tổng kho Xăng dầu Miền Tây (Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ) và tại Công ty Xăng dầu Khu vực III.

- Công ty tiếp tục triển khai thành công các dự án Hỗ trợ vận hành ERP, Dịch vụ vận hành trung tâm dữ liệu, Dịch vụ quản trị các ứng dụng tập trung cho Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

- Hoàn thành triển khai dự án Tự động hóa bến xuất xe bồn kho Cát Lái của Công ty TNHH Một thành viên Sài Gòn Petro.

- Cung cấp hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp cho Công ty Xăng dầu Quốc gia Lào, cung cấp phần mềm EGAS cho Công ty Xăng dầu Petrolimex Lào.

- Phối hợp cùng với Công ty PECO hoàn thành việc nghiên cứu chế tạo đầu tính mới thay thế đầu tính PECO5, làm tiền đề để triển khai dứt điểm dự án Egas tại hệ thống các cửa hàng xăng dầu của Tập đoàn.

b) Các công ty con, công ty liên kết.

Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	61.685	73.091	18,49
Doanh thu thuần	105.718	119.548	13,08
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.266	16.239	75,25
Lợi nhuận khác	(33)	13	
Lợi nhuận trước thuế	9.233	16.252	76,01
Lợi nhuận sau thuế	7.553	13.504	78,79
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	13,5	18	33,33

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và năm 2015)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,4	2,6	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1,5	2,5	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37,08	35,9	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	58,94	56,01	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,75	4,86	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,71	1,64	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,14	11,2	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	21,96	32,5	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,24	18,4	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8,76	13,6	

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và năm 2015)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành:	3.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng:	3.000.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND-Hộ chiếu/Số GCNĐKKD/Số Quyết định thành lập	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Số 1 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội	0100107370	1.509.927	50,33%

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND-Hộ chiếu/Số GCNĐKKD/ Số Quyết định thành lập	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
2	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	57 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	0100684378	440.672	14,69%
3	Hoàng Hải Đường	Tầng 19, Tòa nhà Keangnam Landmark 70, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	011714327	300.758	10,03%
Tổng cộng				2.251.357	75,05%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 31/12/2015)

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2015:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
I	Tổ chức	4	2.058.319	20.583.190.000	68,61%
1	Tổ chức trong nước	4	2.058.319	20.583.190.000	68,61%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0	0	0%
II	Cá nhân	140	941.681	9.416.810.000	31,39%
1	Cá nhân trong nước	140	941.681	9.416.810.000	31,39%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
Tổng cộng		144	3.000.000	30.000.000.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty tại ngày 31/12/2015)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lao động đầu năm 2015: 90 người;

Số lao động tăng trong kỳ: 15 người;

Số lao động giảm trong kỳ: 13 người (chấm dứt hợp đồng lao động)

Số lao động có mặt đến 31/12/2015: 92 người;

Số lao động bình quân: 93 người.

Tiền lương bình quân: 21 trđ/người/tháng

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ nghỉ phép năm, nghỉ ốm đau, thai sản cho người lao động theo quy định của Luật lao động. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm; Công ty tham gia gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ cho người lao động; chính sách du lịch hè; chế độ phúc lợi nhân các ngày lễ lớn (Tết Dương lịch, tết Nguyên đán, Giỗ tổ Hùng Vương, Quốc tế lao động, Tết độc lập,...)

Được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm, Công ty đã đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ; cử cán bộ tham gia chương trình đào tạo quản lý; rà soát để nâng cấp nội dung chương trình đào tạo nhân viên của các phòng ban; tổ chức 11 khóa truyền thông nội bộ với 472 lượt người; tổ chức đào tạo nghề cho nhân viên mới của các phòng Tự động hóa và phòng Dịch vụ ERP. Số giờ đào tạo trung bình 2015 là 166,24 giờ/người/năm.

Công ty thường xuyên có các chương trình đào tạo, tập huấn giúp cán bộ nhân viên nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý và các kỹ năng mềm khác.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2015, Công ty tích cực tham gia ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện do Tập đoàn và địa phương phát động với giá trị 65 triệu đồng:

- Tổ chức các đợt làm từ thiện tại các trường học vùng cao: Tặng chăn ấm cho học sinh tại trường Mầm non, trường Tiểu học và trường Trung học Sùng Trại tỉnh Hà Giang;
- Tặng chăn ấm tại trường Trung học cơ sở Tô Múa tỉnh Sơn La;
- Tặng 10 suất học bổng tại trường Trung học cơ sở Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;
- Tổ chức thăm hỏi thương binh, gia đình liệt sỹ, cán bộ lão thành cách mạng và gặp mặt cuối năm, tặng quà dịp tết Nguyên đán cho cán bộ nhân viên hưu trí

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2015, tình hình thế giới diễn biến phức tạp, kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo, xung đột và khủng hoảng xảy ra ở nhiều nơi, căng thẳng trên biển Đông, giá dầu thế giới biến động và giảm mạnh. Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2015 đã có những dấu hiệu khả quan, tuy nhiên khối các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng với việc định hướng đúng đắn về thị trường và sản phẩm của HĐQT; được sự giúp đỡ của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam cùng sự nỗ lực của CBNV, năm 2015 Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015: Doanh thu đạt 119.548 triệu đồng bằng 113,08% so với năm 2014 và bằng 100,29% so với kế hoạch được giao. Lợi nhuận trước thuế đạt 16.252 triệu đồng, bằng 176,0 so với năm 2014, bằng 155,24% so với kế hoạch năm.

Tổng giá trị hợp đồng kinh tế ký kết lũy kế là 158,99 tỷ đồng, bằng 133,4 % kế hoạch; trong đó giá trị ký kết các hợp đồng mới trong năm 2015 là 60,26 tỷ đồng, đạt 50,55% kế hoạch và bằng 29,8% cùng kỳ 2014. Giá trị hợp đồng ngoài ngành là 27,073 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 17%), xuất khẩu đạt 1,63 tỷ đồng.

Giá trị thực hiện năm 2015 đạt 137,36 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch và bằng 106% cùng kỳ 2014.

Giá trị bàn giao năm 2015 đạt 119,55 tỷ đồng, bằng 100,29% kế hoạch. Trong đó, doanh thu ngoài ngành là 20.455 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 17,11%, bằng 113,3% kế hoạch; xuất khẩu 1,08 tỷ đồng.

Tỷ trọng doanh thu dịch vụ tăng so với năm 2014 từ 49% lên 50,3%, tỷ trọng doanh thu thiết bị giảm từ 51% xuống 49,7%.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng giá trị Tài sản của Công ty đến 31/12/2015 là 73,09 tỷ đồng, tăng 11,4 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 18,4%; trong đó:

- + Vốn bằng tiền tăng 29,1 tỷ đồng, ở mức 37,6 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 342,3%.
- + Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 2,1 tỷ đồng, ở mức 27 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 8,4%. Các khoản phải thu đều trong hạn thanh toán, không có khoản nợ khó đòi.
- + Hàng tồn kho giảm 16,7 tỷ đồng, ở mức 3,8 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 81,4% chủ yếu giảm giá trị sản phẩm dở dang của các dự án đã triển khai xong và bàn giao cho khách hàng.
- + Giá trị Tài sản dài hạn giảm 2,2 tỷ đồng, ở mức 3,8 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 36,6%; trong đó chủ yếu là các khoản chi phí trả trước dài hạn giảm 1,9 tỷ do kết chuyển chi phí đầu tư sản phẩm vào giá thành các dự án.

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản tăng từ 90,3% năm 2014 lên 94,8% năm 2015; Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản giảm từ 9,7% xuống còn 5,2% do kết quả kinh doanh sau quá trình đầu tư sản phẩm. Công ty đang có kế hoạch tiếp tục đầu tư sản phẩm để tìm kiếm lợi ích dài hạn trong tương lai.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2015 là 26,2 tỷ đồng, tăng 3,4 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 14,8% là khoản nợ ngắn hạn; trong đó chủ yếu là khoản phải trả người bán ngắn hạn, giá trị 11,1 tỷ đồng. Công ty chưa phát sinh khoản vay nợ ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2015, Công ty thực hiện tái cấu trúc hoạt động của Chi nhánh, chấm dứt hoạt động từ 01/04/2015 để nhập chung vào hoạt động của Công ty. Việc hợp nhất Chi nhánh vào hoạt động của Công ty là cần thiết để tạo sự thống nhất trong hệ thống, tinh gọn bộ máy, giảm các chức năng trùng lặp, từ đó nâng cao hiệu suất hoạt động; tập trung nguồn lực xây dựng và cung cấp giải pháp trọn gói cho khách hàng, tạo sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

Công ty đã thực hiện truyền thông nội bộ vào sáng thứ 7 hàng tuần trong quý II, thực hiện đào tạo nghề cho nhân viên mới của các phòng Tự động hóa, phòng Dịch vụ ERP. Việc làm này đã phần nào rút ngắn được thời gian tìm hiểu công việc, từ đó nâng cao năng suất làm việc của cán bộ nhân viên.

Công ty đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành Quy chế Tiền lương. Quy chế Tiền lương mới đã vận dụng được cả quy định của Nhà nước, đồng thời bám sát thực tiễn

kinh doanh của Công ty, gắn thu nhập của người lao động với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo động lực để phát triển kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2016

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trên 10%;
- Tỷ trọng doanh thu ngoài Petrolimex khoảng 30%;
- Tỷ lệ trả cổ tức trên 15%.

4.2. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Kế hoạch năm 2016/ Thực hiện năm 2015 (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đ	119.548	142.713	119,4
2	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	16.252	19.980	122,9
3	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	13.504	16.384	121,3
4	Tỷ suất LNST/VCSH	%	28,8	30,0	104,2
5	Tỷ suất LNST/VDL	%	45,0	55,0	122,2
6	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	18,0	18,0	100,0
7	Tổng giá trị đầu tư	Triệu đ	3.011	24.150	802,1

(Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2016)

4.3. Một số giải pháp chủ yếu:

* Về thị trường

Tiếp tục xác định thị trường nội bộ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là thị trường chính của Công ty. Tập trung phát triển thị trường ngoài ngành và thị trường nước ngoài, phấn đấu tỷ trọng thị trường ngoài ngành ở mức 30%.

* Về sản phẩm

Tiếp tục duy trì các sản phẩm, dịch vụ chủ lực của Công ty:

- Giải pháp quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu: Egas, Agas;
- Giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp;
- Dịch vụ hỗ trợ vận hành và bảo trì SAP_ERP;
- Nhóm giải pháp tự động hóa kho xăng dầu: Tự động hóa Bến xuất, tự động hóa phối trộn nhiên liệu sinh học, tự động hóa đo bồn;
- Dịch vụ Vận hành trung tâm dữ liệu và Quản trị các ứng dụng trên Datacenter;
- Dịch vụ thiết kế và thi công hệ thống mạng;

Nghiên cứu nâng cấp và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới:

- Xây dựng giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP;
- Bổ sung các chức năng quản trị nâng cao cho EGAS;
- Bổ sung chức năng cho SAP;
- Dịch vụ thuê mua tài sản cho các nhóm giải pháp tự động hóa cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

*** Về phát triển mạng lưới dịch vụ:** Tiếp tục hợp tác với các Công ty xăng dầu để phát triển mạng lưới công tác viên trong việc triển khai và vận hành dự án cửa hàng bán lẻ xăng dầu. Mở rộng mạng lưới công tác viên sang thị trường nước ngoài: Lào, Myanmar.

*** Phát triển công tác kinh doanh**

- Tập trung phát triển chất lượng đội ngũ làm công tác kinh doanh. Bổ sung nhân lực và tổ chức đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nhân viên làm kinh doanh.
- Thực hiện hợp tác lao động trong khâu xây dựng sản phẩm và tư vấn giải pháp với khách hàng.
- Nâng cấp chất lượng công tác kế hoạch, chất lượng công tác mua hàng, xây dựng và ban hành chính sách kinh doanh hàng năm.

*** Công tác tổ chức, lao động và tiền lương**

- Rà soát cấu trúc hợp lý mô hình tổ chức Công ty phù hợp với định hướng kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai vận hành Quy chế Tổ chức cán bộ, tổ chức đào tạo cho cán bộ trong quy hoạch để chuẩn bị tốt nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tiến hành luân chuyển cán bộ phù hợp với năng lực và yêu cầu công tác.
- Triển khai vận hành và hoàn thiện Cơ chế tiền lương mới.
- Tiếp tục tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực.
- Xây dựng và triển khai chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty

*** Công tác Tài chính kế toán**

- Tăng cường chức năng kiểm tra, giám sát; chủ động tham gia vào các khâu khảo sát giá và đàm phán ký kết các hợp đồng mua hàng, bán hàng, quyết toán các dự án.
- Đưa công tác kế toán quản trị vào hoạt động để đánh giá hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh, loại hình kinh doanh, loại hình dịch vụ; tổ chức phân tích chi phí của Công ty.
- Thực hiện đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

*** Công tác quản trị doanh nghiệp**

- Tiếp tục áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO, xây dựng chương trình và công cụ giám sát việc duy trì và thực hiện ISO tại các đơn vị.
- Tập trung triển khai quyết liệt các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị.

*** Công tác đầu tư**

Công ty tiếp tục đầu tư để phát triển sản phẩm:

- Triển khai đầu tư sản phẩm.
- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.
- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2015, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra. Doanh thu kinh doanh đạt 119.548 triệu đồng, bằng 113,08% so với năm 2014, bằng 100,29% so với kế hoạch được giao. Lợi nhuận trước thuế đạt 16.252 triệu đồng, bằng 176,0 so với năm 2014, bằng 155,24% so với kế hoạch năm. Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến 18%. Công ty đã bám sát mục tiêu chiến lược trở thành doanh nghiệp công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam trong cung cấp giải pháp quản lý ngành Xăng dầu và Dầu khí. Sản phẩm dịch vụ của Công ty đã có chỗ đứng trên thị trường, được khách hàng trong và ngoài nước tin dùng. Công tác phát triển thị trường ngoài ngành đã đạt được kết quả khả quan không chỉ ở thị trường trong nước, năm 2015 Công ty đã xúc tiến và ký kết hợp đồng sang thị trường Lào, Myanmar,... Trình độ cán bộ nhân viên đã được nâng lên một bước theo hướng chuyên nghiệp. Năm 2015 là năm thứ 7 liên tục Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh với kết quả năm sau cao hơn năm trước trên 10%. Công ty chính thức vận hành theo mô hình công ty đại chúng và đang làm thủ tục niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đã thực hiện một cách nghiêm túc và có hiệu quả công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 3 phiên và 2 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Chỉ đạo quan trọng của Hội đồng quản trị năm 2015 đã được Công ty thực hiện là: Hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh, đảm bảo tỷ lệ phát triển thị trường ngoài ngành và xuất khẩu ra nước ngoài; thực hiện vận hành theo mô hình Công ty đại chúng, chuẩn bị hồ sơ niêm yết cổ phiếu trên sàn Chứng khoán; Thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của Chi nhánh theo đúng quy định; Xây dựng, ban hành Quy chế Tiền lương, Quy chế Quản lý Đầu tư, sửa đổi Quy chế Quản lý Tài chính; Hoàn thành Báo cáo đầu tư dự án đầu tư xây dựng sản phẩm phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP.

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tham dự họp giao ban hàng quý và có ý kiến chỉ đạo, họp công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; Chỉ đạo triển khai các công việc kinh doanh theo tinh thần các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, việc chuẩn bị các đề án, dự án của Tập đoàn.

Giám đốc điều hành Công ty đã bám sát nghị quyết của Hội đồng quản trị để triển khai công tác mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Các thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện tốt nhiệm vụ theo phân công. Tích cực tham gia ý kiến thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Kết quả nổi bật:**

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, đời sống cán bộ nhân viên được nâng cao, lợi ích của cổ đông được đảm bảo;
- Triển khai phần mềm quản lý Egas cho trên 2400 cửa hàng xăng dầu, triển khai tích hợp tự động hóa (Agas) cho trên 1400 cửa hàng xăng dầu;
- Xúc tiến thị trường ngoài ngành đạt 22,6% trên tổng doanh thu; trong đó xuất khẩu phần mềm sang thị trường Lào giá trị 427 nghìn USD;
- Phối hợp nghiên cứu chế tạo đầu tính mới thay thế đầu tính PECOS, làm tiền đề để triển khai dứt điểm dự án Egas tại hệ thống các cửa hàng xăng dầu của Tập đoàn;
- Tái cấu trúc Chi nhánh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động mảng ICT;
- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ cho trên 472 lượt cán bộ nhân viên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Các mục tiêu chủ yếu:

Công ty phấn đấu giữ vững vị trí doanh nghiệp Công nghệ thông tin và Tự động hóa ngành xăng dầu hàng đầu Việt Nam.

Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm;
- Thị trường ngoài ngành và nước ngoài chiếm 30%;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức trên 15% năm.

3.2. Các giải pháp, định hướng

Tiếp tục xác định thị trường nội bộ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam là thị trường chính để Công ty xây dựng và phát triển năng lực kinh doanh cung cấp các giải pháp quản lý ngành xăng dầu. Kiên định mục tiêu phát triển thị trường ngoài ngành từ 20 - 30%; tiếp tục phát triển thị trường Lào, Myanmar và thị trường khu vực Đông Nam Á.

Tiếp tục duy trì các sản phẩm, dịch vụ chủ lực của Công ty. Xây dựng giải pháp quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp ngành xăng dầu. Phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên nghiệp và năng động.

Chỉ đạo nâng cấp chất lượng công tác kinh doanh, công tác quản trị doanh nghiệp; nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý, điều hành theo hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO; đảm bảo đủ nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh; rà soát, tái cấu trúc hệ thống tổ chức theo đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2015 được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam (thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens).

Ý kiến của Kiểm toán viên: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Kèm theo)/

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN TÍN HỌC VIỆN THÔNG PERTROLIMEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27
Phụ lục I - Bảng Tổng hợp giao dịch và số dư các bên liên quan	28 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Trung tâm Tin học và Tự động hóa Petrolimex theo Công văn số 589/CP-ĐMDN ngày 08/05/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101409374, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2003, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petrolimex Information Technology and Telecommunication Joint Stock Company, tên viết tắt là: PIACOM., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Ngọc Năm	Chủ tịch
	Ông Phan Thanh Sơn	Ủy viên
	Ông Vũ Hoàng Liên	Ủy viên
	Ông Hoàng Hải Đường	Ủy viên
	Ông Trần Ngọc Tuấn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phan Thanh Sơn	Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Tuấn	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phan Thanh Sơn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Số: 123/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex, được lập ngày 01/3/2016, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2016*

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		69.300.816.489	55.690.325.658
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	37.666.523.590	8.532.682.117
1. Tiền	111		4.054.317.621	1.360.257.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.612.205.969	7.172.424.122
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.013.649.884	24.919.806.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.860.843.763	20.750.395.395
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	251.159.800	2.988.921.949
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.901.646.321	1.193.530.374
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(13.040.764)
IV. Hàng tồn kho	140		3.797.592.250	20.497.969.211
1. Hàng tồn kho	141	5.5	3.797.592.250	20.497.969.211
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		823.050.765	1.739.867.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	823.050.765	388.209.307
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.351.658.069
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		3.790.135.955	5.994.744.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	461.926.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	461.926.000
II. Tài sản cố định	220		2.836.178.379	2.711.863.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	2.641.578.361	2.410.861.463
- Nguyên giá	222		7.463.586.584	6.246.873.671
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.822.008.223)	(3.836.012.208)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	194.600.018	301.002.282
- Nguyên giá	228		509.640.828	509.640.828
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(315.040.810)	(208.638.546)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		205.200	205.200
3. Đầu tư tư góp vốn vào đơn vị khác	253		205.200	205.200
VI. Tài sản dài hạn khác	260		953.752.376	2.820.749.957
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	953.752.376	2.820.749.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		73.090.952.444	61.685.070.560

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		26.241.996.168	22.856.815.608
I. Nợ ngắn hạn	310		26.241.996.168	22.856.815.608
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	11.111.499.505	6.941.322.783
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.173.613.943	10.894.193.041
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.622.138.873	982.254.229
4. Phải trả người lao động	314		7.002.957.679	2.867.299.848
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	144.933.958	198.581.276
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		884.972.517	622.839.738
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.301.879.693	350.324.693
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		46.848.956.276	38.828.254.952
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.13	46.848.956.276	38.828.254.952
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.344.607.027	1.275.161.073
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.504.349.249	7.553.093.879
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	7.553.093.879
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.504.349.249	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		73.090.952.444	61.685.070.560

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Hữu Hùng



Nguyễn Văn Quý



Phan Thanh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	119.547.615.598	105.717.519.291
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		119.547.615.598	105.717.519.291
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	61.775.028.362	63.200.659.970
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		57.772.587.236	42.516.859.321
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	1.021.636.717	435.516.656
7. Chi phí tài chính	22	5.17	3.812.737	5.455.880
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.18	42.551.249.612	33.680.801.237
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		16.239.161.604	9.266.118.860
11. Thu nhập khác	31		113.432.517	35.649.175
12. Chi phí khác	32		100.897.742	68.460.319
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.19	12.534.775	(32.811.144)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		16.251.696.379	9.233.307.716
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	2.747.347.130	1.680.213.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		13.504.349.249	7.553.093.879
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	4.501	3.226

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Hữu Hùng

Nguyễn Văn Quý

Phan Thanh Sơn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.251.696.379	9.233.307.716
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.167.655.159	1.152.410.661
- Các khoản dự phòng	03		262.132.779	(622.839.738)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.120.539.681)	(397.234.787)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.560.944.636	9.365.643.852
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(280.258.861)	(4.241.408.655)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.700.376.961	(16.305.752.241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(415.901.688)	8.058.988.172
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.301.839.039	5.611.774.739
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.166.991.200)	(1.949.957.602)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(86.598.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.700.008.887	452.690.265
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.291.969.793)	(1.640.411.490)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	(35.199.384)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.501.489.882)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.007.107.164	432.434.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(284.862.629)	(3.744.666.585)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.568.710.000
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.281.304.785)	(1.803.523.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.281.304.785)	5.765.186.860
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		29.133.841.473	2.473.210.540
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.532.682.117	6.059.471.577
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	37.666.523.590	8.532.682.117

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2016

Giám đốc





Nguyễn Hữu Hùng

Nguyễn Văn Quý

Phan Thanh Sơn

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Trung tâm Tin học và Tự động hóa Petrolimex theo Công văn số 589/CP-ĐMDN ngày 08/05/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101409374, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2003, thay đổi lần 5 ngày 09 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.509.927	15.099.270.000	50,33%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	440.672	4.406.720.000	14,69%
Công ty TNHH Dịch vụ Hỗ trợ Doanh nghiệp	93.031	930.310.000	3,10%
Công ty Cổ phần ĐTPT CNĐT Viễn thông (Elcom Corp)	14.689	146.890.000	0,49%
Ông Hoàng Hải Đường	300.758	3.007.580.000	10,03%
Các cổ đông cá nhân	640.923	6.409.230.000	21,36%
Tổng	3.000.000	30.000.000.000	100%

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Petrolimex Information Technology and Telecommunication Joint Stock Company, tên viết tắt là: PIACOM., JSC

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1, Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân trong năm 2015: 93 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Chi tiết:

- Cung cấp phần mềm;
- Mua bán máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử, tin học, thiết bị tự động hóa và các hệ thống dây chuyền công nghiệp;

- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học

Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử tin học, thiết bị tự động hóa và hệ thống dây chuyền công nghiệp;

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt máy tính, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các thiết bị điện tử tin học, thiết bị tự động hóa và hệ thống dây chuyền công nghiệp;

- Lập trình máy vi tính

Chi tiết: Sản xuất phần mềm;

- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính

Chi tiết: Tư vấn phần mềm;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất phần mềm vi tính và các thiết bị ngoại vi của máy tính
Chi tiết:
 - Sản xuất máy tính;
 - Sản xuất thiết bị tự động hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá
Chi tiết:
 - Môi giới thương mại;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết:
 - Dịch vụ phát triển và khoa học kỹ thuật;
 - Tư vấn về chuyển giao công nghệ và các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực điện tử, tin học, tự động hóa;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết:
 - Các dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin;
 - Dịch vụ lưu trữ dữ liệu;
- Hoạt động viễn thông khác
Chi tiết:
 - Thiết bị mạng và cung cấp dịch vụ Internet (IAP,ISP);
 - Cung cấp (trực tiếp; bán lại) các dịch vụ viễn thông (cơ bản, giá trị gia tăng);
- Giáo dục nghề nghiệp:
Chi tiết:
 - Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực điện tử, tin học, tự động hóa
 - Dạy nghề điện tử, tự động hóa, tin học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
Chi tiết:
 - Dịch vụ cho thuê máy móc; thiết bị văn phòng;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị, phần mềm, phương tiện vận tải;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính
Chi tiết: Cho thuê kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và các tài sản phi tài chính khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị đo lường điều khiển, thiết bị tự động hóa, thiết bị điện, linh kiện điện tử;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Tư vấn, thiết kế hệ thống tự động hóa (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình và thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Cho thuê bất động sản./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015 là kinh doanh thiết bị, cung cấp dịch vụ và phần mềm.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex (đã đóng mã số theo thông báo số 981/TB-CT-KK&KTT ngày 11/1/2016 của Cục thuế Hà Nội).
- Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex tại Tp Hồ Chí Minh.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ năm 2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200/2014/TT - BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), (chi tiết xem tại thuyết minh số 6.4) do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình là phần mềm máy vi tính, phần mềm quản lý lao động và phần mềm Support Center, được trình bày theo nguyên giá và khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian lần lượt 3 năm và 5 năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015 (số năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, chi phí thuê văn phòng và chi phí giai đoạn xây dựng phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu, chi phí đầu tư Dự án. Công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ dần vào chi phí theo thời gian sử dụng của tài sản. Chi phí xây dựng phần mềm quản lý cửa hàng được phân bổ vào chi phí theo lượng cửa hàng sử dụng phần mềm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị Quyết Đại hội cổ đông hàng năm của Công ty:

- + Quỹ đầu tư phát triển trích với số tiền là 2.069.445.954 đồng từ lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 2.357.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh thương mại và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	1.041.270.620	152.147.885
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.013.047.001	1.208.110.110
Các khoản tương đương tiền	33.612.205.969	7.172.424.122
Tổng	37.666.523.590	8.532.682.117

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	8.596.531.242	808.395.802
<i>Công Ty TNHH MTV Dầu khí</i>		
<i>Hải Linh Hải Phòng</i>	5.116.122.905	-
<i>Công ty TNHH Hải Linh</i>	3.204.824.943	-
<i>Các khoản phải thu khác của khách hàng</i>	275.583.394	808.395.802
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	16.264.312.521	19.941.999.593
Tổng	24.860.843.763	20.750.395.395

Chi tiết số liệu các bên liên quan tại phụ lục kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	251.159.800	2.988.921.949
<i>Công ty TNHH TM & ĐT PT Công Nghệ</i>	-	1.701.810.000
<i>Veeder Root Company</i>	-	350.426.820
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	251.159.800	936.685.129
Tổng	251.159.800	2.988.921.949

5.4 Phải thu khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.901.646.321	1.193.530.374
Tạm ứng	582.450.000	716.892.192
Phải thu khác	382.719.093	278.113.182
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	936.477.228	198.525.000
Tổng	1.901.646.321	1.193.530.374

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.173.283.329	666.110.150
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.477.743.565	17.936.320.404
Hàng hoá	146.565.356	55.083.057
Hàng gửi đi bán	-	1.840.455.600
Tổng	3.797.592.250	20.497.969.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.208.959.264	9.201.927.629
Tăng	2.611.428.868	2.807.661.562
Giảm	4.043.584.991	8.800.629.927
Tại ngày 31 tháng 12	1.776.803.141	3.208.959.264
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	823.050.765	388.209.307
Phí trả trước Internet	10.000.000	4.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	123.882.775	384.209.307
Chi phí thuê văn phòng	689.167.990	-
b) Dài hạn	953.752.376	2.820.749.957
Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa chờ phân bổ	410.852.376	1.014.665.960
Chi phí xây dựng phần mềm quản lý cửa hàng xăng dầu	-	106.695.549
Chi phí xây dựng và triển khai ND tích hợp POS với PM QLCH (80%)	-	883.004.128
Chi phí thuê văn phòng	-	585.984.320
Chi phí đầu tư dự án "Đóng gói và nâng cấp sản phẩm tự động hóa Bến xuất"	230.400.000	230.400.000
Chi phí đầu tư dự án "Xây dựng phần mềm ERP- Piacom	312.500.000	-
Tổng	1.776.803.141	3.208.959.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2015	2.733.491.442	2.540.456.669	972.925.560	6.246.873.671
Tăng trong năm	953.257.793	-	338.712.000	1.291.969.793
Mua trong năm	953.257.793	-	338.712.000	1.291.969.793
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	75.256.880	75.256.880
Thanh lý, nhượng bán	-	-	75.256.880	75.256.880
Số dư tại 31/12/2015	3.686.749.235	2.540.456.669	1.236.380.680	7.463.586.584
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2015	1.701.611.422	1.161.475.226	972.925.560	3.836.012.208
Tăng trong năm	689.448.239	351.577.656	20.227.000	1.061.252.895
Khấu hao trong năm	689.448.239	351.577.656	20.227.000	1.061.252.895
Giảm trong năm	-	-	75.256.880	75.256.880
Thanh lý, nhượng bán	-	-	75.256.880	75.256.880
Số dư tại 31/12/2015	2.391.059.661	1.513.052.882	917.895.680	4.822.008.223
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2015	1.031.880.020	1.378.981.443	-	2.410.861.463
Tại 31/12/2015	1.295.689.574	1.027.403.787	318.485.000	2.641.578.361

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 với giá trị là: 2.904.861.129 VND (tại ngày 31/12/2014: 1.757.706.320 VND).

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2015	43.240.828	466.400.000	509.640.828
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	43.240.828	466.400.000	509.640.828
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2015	40.838.556	167.799.990	208.638.546
Tăng trong năm	2.402.272	103.999.992	106.402.264
Khấu hao trong năm	2.402.272	103.999.992	106.402.264
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	43.240.828	271.799.982	315.040.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	2.402.272	298.600.010	301.002.282
Tại 31/12/2015	-	194.600.018	194.600.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.111.499.505	11.111.499.505	6.941.322.783	6.941.322.783
Công ty CP Máy tính Hà Nội	2.456.253.300	2.456.253.300	1.948.671.355	1.948.671.355
Công ty CP TM & Công nghệ Kỹ thuật ECOMET	2.464.628.243	2.464.628.243	-	-
Công ty CP Công nghệ Sức sống Việt	676.725.070	676.725.070	1.175.325.070	1.175.325.070
Công ty CP Giải pháp Công nghệ và Thương mại HANPC	60.428.676	60.428.676	1.020.129.548	1.020.129.548
Phải trả các đối tượng khác	5.453.464.216	5.453.464.216	2.797.196.810	2.797.196.810
Tổng	11.111.499.505	11.111.499.505	6.941.322.783	6.941.322.783

5.10 Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.173.613.943	10.894.193.041
Công Ty TNHH Hải Linh	-	3.434.438.469
Công ty TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM (Saigon Petro)	-	1.636.877.879
Công Ty TNHH MTV Dầu Khí Hải Linh Hải Phòng	-	1.601.759.350
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.782.478.328	-
Người mua trả tiền trước khác	391.135.615	4.221.117.343
Tổng	2.173.613.943	10.894.193.041

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
Thuế giá trị gia tăng	35.688.081	1.095.151.198	398.413.146	732.426.133
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.840.937	13.840.937	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	721.776.854	2.747.347.130	2.166.991.200	1.302.132.784
Thuế thu nhập cá nhân	224.789.294	1.172.320.871	809.530.209	587.579.956
Các loại thuế khác	-	4.500.000	4.500.000	-
Tổng	982.254.229	5.033.160.136	3.393.275.492	2.622.138.873

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	144.933.958	198.581.276
- Kinh phí công đoàn;	112.353.720	16.393.542
- Bảo hiểm xã hội;	9.785.833	2.492.913
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	-	154.656.860
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	22.794.405	25.037.961
- Các khoản phải trả khác	22.794.405	25.037.961
Tổng	144.933.958	198.581.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đổi chiều biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	16.320.710.000	4.164.307.353	1.025.161.073	5.620.427.262	27.130.605.688
Tăng trong năm	13.679.290.000	1.536.592.647	250.000.000	7.553.093.879	23.018.976.526
Vốn góp	13.679.290.000	-	-	-	13.679.290.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	7.553.093.879	7.553.093.879
Phân phối lợi nhuận	-	1.536.592.647	250.000.000	-	1.786.592.647
Giảm trong năm	-	5.700.900.000	-	5.620.427.262	11.321.327.262
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.661.947.262	3.661.947.262
Giảm do tăng vốn chủ sở hữu	-	5.700.900.000	-	-	5.700.900.000
Chi cổ tức	-	-	-	1.958.480.000	1.958.480.000
Số dư tại 31/12/2014	30.000.000.000	-	1.275.161.073	7.553.093.879	38.828.254.952
Số dư tại 01/01/2015	30.000.000.000	-	1.275.161.073	7.553.093.879	38.828.254.952
Tăng trong năm	-	3.344.607.027	-	13.504.349.249	16.848.956.276
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	13.504.349.249	13.504.349.249
Tăng quỹ	-	2.069.445.954	-	-	2.069.445.954
Tăng quỹ theo hướng dẫn thông tư 200/2014	-	1.275.161.073	-	-	1.275.161.073
Giảm trong năm	-	-	1.275.161.073	7.553.093.879	8.828.254.952
Chia trả cổ tức	-	-	-	3.126.647.926	3.126.647.926
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.426.445.953	4.426.445.953
Giảm quỹ theo hướng dẫn thông tư 200/2014	-	-	1.275.161.073	-	1.275.161.073
Số dư tại 31/12/2015	30.000.000.000	3.344.607.027	-	13.504.349.249	46.848.956.276

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	15.099.270.000	15.099.270.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	4.406.720.000	4.406.720.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hỗ trợ Doanh nghiệp	930.310.000	930.310.000
Công ty Cổ phần ĐTPT CNDT Viễn thông	146.890.000	146.890.000
Ông Hoàng Hải Đường	3.007.580.000	3.007.580.000
Các cổ đông cá nhân	6.409.230.000	6.409.230.000
Tổng	30.000.000.000	30.000.000.000

5.13 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	30.000.000.000	16.320.710.000
Vốn góp tăng trong năm		13.679.290.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.126.647.926	1.958.480.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu quỹ		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.14 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu kinh doanh thiết bị	59.411.555.986	54.278.160.459
Doanh thu cung cấp dịch vụ và phần mềm	60.136.059.612	51.439.358.832
Tổng	119.547.615.598	105.717.519.291

5.15 **Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn thiết bị	54.176.657.165	51.383.778.615
Giá vốn dịch vụ và phần mềm đã cung cấp	7.598.371.197	11.816.881.355
Tổng	61.775.028.362	63.200.659.970

Giá vốn dịch vụ và phần mềm cung cấp chưa bao gồm chi phí nhân công trực tiếp.

5.16 **Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	1.007.107.164	432.434.171
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.467.153	3.020.085
Doanh thu hoạt động tài chính khác	62.400	62.400
Tổng	1.021.636.717	435.516.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.522.510	5.044.392
Chi phí hoạt động tài chính khác	290.227	411.488
Tổng	3.812.737	5.455.880

5.18 Chi phí bán hàng

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí bán hàng	42.551.249.612	33.680.801.237
Chi phí nhân viên	30.590.678.291	23.494.712.051
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	2.347.421.100	1.328.876.096
Chi phí khấu hao	1.270.876.113	1.289.056.575
Chi phí bảo hành	328.835.654	95.694.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.665.773.607	3.849.482.588
Chi phí khác bằng tiền	4.813.425.393	3.292.266.860
Thuế phí và lệ phí	534.239.454	330.712.490
Tổng	42.551.249.612	33.680.801.237

5.19 Lợi nhuận khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý công cụ, nguyên vật liệu, hàng hóa	42.133.252	9.146.368
Thanh lý, nhượng bán tài sản	1.545.455	-
Thu nhập khác	69.753.810	26.502.807
Tổng	113.432.517	35.649.175
Chi phí khác		
Giá vốn công cụ, nguyên vật liệu, hàng hóa	65.974.750	44.345.752
Chi phí phạt thuế theo biên bản thanh tra chi nhánh	34.717.878	-
Chi phí khác	205.114	24.114.567
Tổng	100.897.742	68.460.319
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	12.534.775	(32.811.144)

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.747.347.130	1.638.919.628
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	41.294.209
Tổng	2.747.347.130	1.680.213.837

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.504.349.249	7.553.093.879
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.504.349.249	7.553.093.879
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	3.000.000	2.341.645
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.501	3.226

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	56.123.147.730	85.161.507.095
Chi phí nhân công	30.590.678.291	19.791.182.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.167.655.159	1.152.410.661
Chi phí dự phòng bảo hành	328.835.654	95.694.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.054.852.606	18.908.620.982
Chi phí khác bằng tiền	8.061.108.534	7.800.867.070
Tổng	104.326.277.974	132.910.283.293

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Thù lao	838.242.800	721.000.000
Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	1.202.580.000	1.080.000.000
Tổng		2.040.822.800	1.801.000.000

6.2 Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn chi tiết theo phụ lục kèm theo.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.666.523.590	8.532.682.117
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.762.490.084	21.943.925.769
Dầu tư dài hạn	205.200	205.200
Tổng	64.429.218.874	30.476.813.086
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	11.256.433.463	7.139.904.059
Tổng	11.256.433.463	7.139.904.059

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	11.256.433.463	-	11.256.433.463
01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.139.904.059	-	7.139.904.059

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.666.523.590	-	37.666.523.590
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.762.490.084	-	26.762.490.084
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.532.682.117	-	8.532.682.117
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.943.925.769	-	21.943.925.769

6.4 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200/2014/TT - BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 như sau:

Khoản mục trên Bảng CĐKT	Số dư tại 01/01/2015		Chênh lệch
	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC	
<u>Tài sản</u>			
Phải thu ngắn hạn khác	476.638.182	1.193.530.374	716.892.192
Tài sản ngắn hạn khác	716.892.192	-	(716.892.192)
<u>Nguồn vốn</u>			
Quỹ đầu tư phát triển	-	1.275.161.073	1.275.161.073
Quỹ dự phòng tài chính	1.275.161.073	-	(1.275.161.073)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2016
 Giám đốc






Nguyễn Hữu Hùng

Nguyễn Văn Quý

Phan Thanh Sơn

BÁO CÁO TIÊU THU NỘI BỘ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo:Năm 2015

Phần I/ Doanh thu hàng hóa

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa				Sản phẩm vật tư MMTB - Thiết bị sản phẩm		
			Doanh thu thuần	Phí Xăng dầu	Giá vốn	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
A	B	C	1	2	3	4 = 1-3	5	6	7=5-6
1	11001000	Công ty xăng dầu KV1- TNHH MTV	-	-	-	-	1.436.530.704	1.341.425.725	95.104.979
2	11001400	Xí Nghiệp Bán Lê Xăng dầu - CTXD Khu Vực I	-	-	-	-	43.022.000	39.769.537	3.252.463
3	11001700	Tổng kho Xăng dầu Đức Giang	-	-	-	-	135.830.000	124.528.944	11.301.056
4	11002000	Công ty xăng dầu KV2 TNHH MTV	-	-	-	-	90.146.799	83.016.187	7.130.612
5	11002200	Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	-	-	-	-	94.330.000	86.943.961	7.386.039
6	11003000	Công ty TNHH MTV xăng dầu KV3	-	-	-	-	1.052.767.855	968.967.534	83.800.321
7	11004000	Công ty Xăng dầu KV5 - TNHH MTV	-	-	-	-	93.774.964	86.723.087	7.051.877
8	11004200	Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam	-	-	-	-	6.300.000	5.818.680	481.320
9	11005000	Công ty Xăng dầu B12	-	-	-	-	3.269.047.600	3.011.119.744	257.927.856
10	11005400	Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	-	-	-	-	19.800.000	18.196.200	1.603.800
11	11005700	Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K132	-	-	-	-	331.428.649	306.173.786	25.254.863
12	11006000	Công ty xăng dầu Hà Bắc	-	-	-	-	1.215.900.000	1.119.843.900	96.056.100
13	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	-	-	-	-	2.887.708.500	2.665.932.487	221.776.013
14	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	-	-	-	-	2.189.152.071	2.020.149.531	169.002.540
15	11009000	Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	-	-	-	-	855.022.516	781.063.068	73.959.448
16	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	-	-	-	2.191.730.000	2.039.404.765	152.325.235
17	11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	-	-	-	1.237.672.300	1.135.811.870	101.860.430
18	11014000	Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	-	-	-	-	720.463.995	663.835.525	56.628.470
19	11014200	Chi nhánh Xăng dầu Sóc Trăng	-	-	-	-	40.530.000	37.413.243	3.116.757
20	11014300	Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	-	-	-	-	162.120.000	149.523.276	12.596.724
21	11014400	Chi nhánh Xăng dầu Hậu Giang	-	-	-	-	81.060.000	74.396.868	6.663.132
22	11015000	Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Sơn Bình	-	-	-	-	3.348.370.000	3.085.188.118	263.181.882
		Cộng	-	-	-	-	21.502.707.953	19.845.246.036	1.657.461.917

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Phần I/ Doanh thu hàng hóa

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa □				Sản phẩm vật tư MMTB - TKé XLấp		
			Doanh thu thuần	Phí Xăng dầu	Giá vốn	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
A	B	C	1	2	3	4 = 1-3	5	6	7=5-6
23	11016000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	-	1.256.430.000	1.159.936.176	96.493.824
24	11016200	Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	-	-	-	-	642.600.000	592.220.160	50.379.840
25	11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	-	-	-	-	158.837.420	145.892.170	12.945.250
26	11024000	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	-	-	-	-	813.140.958	750.203.848	62.937.110
27	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	-	-	-	-	95.595.000	87.326.033	8.268.967
28	11031000	Công ty Xăng dầu Long An	-	-	-	-	810.600.000	744.941.400	65.658.600
29	11033000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	-	-	-	-	1.256.430.000	1.160.564.391	95.865.609
30	11034000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	-	-	-	-	414.540.500	380.299.455	34.241.045
31	11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	-	-	-	-	40.530.000	37.437.561	3.092.439
32	11036000	Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV	-	-	-	-	790.460.000	729.752.672	60.707.328
33	11036200	Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	-	-	-	-	503.020.000	461.772.360	41.247.640
34	11038000	Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Petrolimex	-	-	-	-	477.842.080	442.386.198	35.455.882
35	11040000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tuyên Quang	-	-	-	-	1.256.430.000	1.160.690.034	95.739.966
36	11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	-	-	-	-	35.930.000	33.235.250	2.694.750
37	11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	-	-	-	-	729.540.000	673.730.190	55.809.810
38	□11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	-	-	-	-	40.530.000	37.490.250	3.039.750
39	11045000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	-	-	-	-	5.480.000	5.049.272	430.728
40	11045200	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lai Châu	-	-	-	-	26.126.000	23.900.065	2.225.935
41	11047000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Ninh	-	-	-	-	1.337.490.000	1.236.375.756	101.114.244
42	11048000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	-	-	-	-	121.590.000	112.166.775	9.423.225
43	11050000	Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	-	8.137.022.000	7.460.021.770	677.000.230
44	11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	-	-	-	-	40.530.000	37.352.448	3.177.552
45	11056000	Công ty CP Gas Petrolimex	-	-	-	-	137.800.000	127.823.280	9.976.720
46	11058000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	-	-	-	-	96.850.000	89.440.975	7.409.025
47	11062000	CTY LD TNHH Kho Xăng dầu	-	-	-	-	268.578.718	248.811.324	19.767.394
48	11068000	Ngoại Quan Vân Phong	-	-	-	-	2.398.206.050	2.215.942.390	182.263.660
49	11085000	Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex	-	-	-	-	143.220.000	132.249.348	10.970.652
50	11090000	Tcty Vận tải thủy Petrolimex	-	-	-	-	1.076.955.498	992.522.187	84.433.311
		CTY TNHH MTV Petrolimex Lào	-	-	-	-			
		Cộng	-	-	-	-	23.112.304.224	21.279.533.738	1.832.770.486

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 02-B/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ báo cáo: Năm 2015

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

Phân 10/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tại chính và Thu nhập khác

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1		11001000	Công ty xăng dầu KV1- TNHH MTV	4.028.465.315	-	-	-	-
2		11001700	Tổng kho Xăng dầu Đức Giang	404.860.000	-	-	-	-
3		11002000	Công ty xăng dầu KV2 TNHH MTV	913.815.510	-	-	-	-
4		11002200	Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	987.768.407	-	-	-	-
5		11003000	Công ty TNHH MTV xăng dầu KV3	1.593.599.214	-	-	-	-
6		11004000	Công ty Xăng dầu KV5 - TNHH MTV	1.684.623.115	-	-	-	-
7		11004200	Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam	19.600.000	-	-	-	-
8		11005000	Công ty Xăng dầu B12	1.875.096.497	-	-	-	-
9		11005500	Xí nghiệp Xăng dầu K131	67.073.481	-	-	-	-
10		11005700	Xí nghiệp kho vận Xăng dầu K132	177.926.849	-	-	-	-
11		11005800	Cảng dầu B12	76.556.000	-	-	-	-
12		11006000	Công ty xăng dầu Hà Bắc	348.873.900	-	-	-	-
13		11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	313.464.040	-	-	-	-
14		11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	636.926.634	-	-	-	-
15		11009000	Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	1.108.952.633	-	-	-	-
16		11009200	Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam	72.900.000	-	-	-	-
17		11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	511.378.620	-	-	-	-
18		11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	1.179.559.236	-	-	-	-
19		11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	385.366.990	-	-	-	-
20		11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	174.573.868	-	-	-	-
21		11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.771.003.271	-	-	-	-
			Cộng	18.332.383.580	-	-	-	-

Đơn vị tính: Đồng

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 02-B/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Kỳ báo cáo: Năm 2015

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
22		11014200	Chi nhánh Xăng dầu Sóc Trăng	709.629.000	-	-	-	-
23		11014300	Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	624.408.000	-	-	-	-
24		11014400	Chi nhánh Xăng dầu Hậu Giang	632.667.000	-	-	-	-
25		11015000	Công ty TNHH MTV xăng dầu Hà Sơn Bình	60.867.800	-	-	-	-
26		11015400	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	19.600.000	-	-	-	-
27		11016000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	58.089.000	-	-	-	-
28		11016200	Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	29.400.000	-	-	-	-
29		11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	243.036.387	-	-	-	-
30		11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	681.084.943	-	-	-	-
31		11019000	Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	33.112.000	-	-	-	-
32		11022000	Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	127.750.000	-	-	-	-
33		11024000	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	148.065.400	-	-	-	-
34		11024800	Công ty TNHH Nhựa đường	369.946.400	-	-	-	-
35		11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp - TNHH MTV	1.453.817.833	-	-	-	-
36		11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	131.923.904	-	-	-	-
37		11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	156.995.193	-	-	-	-
38		11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	76.836.293	-	-	-	-
39		11029000	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	114.524.435	-	-	-	-
40		11030000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lâm Đồng	344.307.767	-	-	-	-
41		11031000	Công ty Xăng dầu Long An	575.406.400	-	-	-	-
42		11032000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	764.693.500	-	-	-	-
43		11033000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Trà Vinh	1.258.020.100	-	-	-	-
44		11034000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	1.401.629.500	-	-	-	-
45		11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	256.150.186	-	-	-	-
46		11036000	Công ty Xăng dầu Sông Bé-TNHH MTV	235.158.160	-	-	-	-
47		11036200	Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	118.131.040	-	-	-	-
			Cộng	10.625.250.241	-	-	-	-

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 02-B/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (tiếp theo)
Kỳ báo cáo: Năm 2015

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Trong đó: Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
48		11038000	Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Petrolimex	28.071.200	-	-	-	-
49		11039000	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	29.400.000	-	-	-	-
50		11040000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tuyên Quang	595.501.550	-	-	-	-
51		11041000	Công ty Xăng dầu Tiên Giang	1.824.730.700	-	-	-	-
52		11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	333.957.190	-	-	-	-
53		11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	1.780.454.300	-	-	-	-
54		11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	760.150.300	-	-	-	-
55		11045000	Công ty Xăng dầu Lao Cai	499.779.130	-	-	-	-
56		11045200	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	25.236.650	-	-	-	-
57		11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	287.143.448	-	-	-	-
58		11047000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Ninh	2.906.204.800	-	-	-	-
59		11048000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	1.303.429.100	-	-	-	-
60		11050000	Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	13.205.675.300	-	-	-	-
61		11052000	Công ty xăng dầu Đồng Nai	265.160.700	-	-	-	-
62		11056000	Tổng Công Ty GAS Petrolimex - CTCP	15.020.400	-	-	-	-
63		11058000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	315.548.848	-	-	-	-
64		11059000	Công ty TNHH hóa chất PTN	3.071.200	-	-	-	-
65		11062000	CTY LD TNHH Kho Xăng dầu Ngoại Quan Văn Phong	146.901.132	-	-	-	-
66		11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	1.129.716.450	-	-	-	-
67		11068000	Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex	1.481.194.156	-	-	-	-
			Cộng	26.936.346.554	-	-	-	-

Đơn vị tính: Đồng

33

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 04/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)

Kỳ báo cáo: Năm 2015

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ	Phải thu khác	Ký quỹ ký cược	Tiền gửi có kỳ hạn
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	4.213.767.785					
24		11024800	Công ty TNHH Nhựa Đường Petrolimex	221.967.840	-	-	-	-	-
25		11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	134.462.901	-	-	-	-	-
26		11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	276.025.456	-	-	-	-	-
27		11028000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Thái Bình	62.549.538	-	-	-	-	-
25		11029000	Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	448.894.228	-	-	-	-	-
26		11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	76.557.764	-	-	-	-	-
27		11031000	Công ty Xăng dầu Long An	102.046.612	-	-	-	-	-
28		11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	15.778.950	-	-	-	-	-
29		11034000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	15.778.950	-	-	-	-	-
30		11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	143.544.550	-	-	-	-	-
31		11036000	Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV	24.801.260	-	-	-	-	-
32		11038000	Tổng Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Petrolimex	3.378.320	-	-	-	-	-
33		11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH MT	661.594.250	-	-	-	-	-
34		11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	19.157.270	-	-	-	-	-
35		11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	583.341.560	-	-	-	-	-
36		11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	12.400.630	-	-	-	-	-
37		11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	260.116.730	-	-	-	-	-
38		11045000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	70.465.505	-	-	-	-	-
39		11045200	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lai Châu	34.938.915	-	-	-	-	-
40		11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	409.381.012	-	-	-	-	-
41		11047000	Công ty Xăng dầu Tây Ninh	12.400.630	-	-	-	-	-
42		11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	527.096.070	-	-	-	-	-
43		11056000	Tổng Công ty GAS Petrolimex - CTCP	16.522.440	-	-	-	-	-
44		11058000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	80.566.404	-	-	-	-	-
			PHẦN II: DÀI HẠN						

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 04/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)
Kỳ báo cáo: Năm 2015

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ kỷ cương	Tiền gửi có kỳ hạn
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGÂN HẠN	1.886.583.393					
45		11059000	Công ty TNHH Hoá Chất PTN	3.378.320	-	-	-	-	-
46		11062000	Cty LD TNHH Kho Xăng dầu Ngoại Quan Vân Phong	227.546.328	-	-	-	-	-
47		11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	402.940.780	-	-	-	-	-
48		11068000	Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Bay Petrolimex	255.678.320	-	-	-	-	-
49		11085000	Tổng Công ty Vận Tải Thủy Petrolimex	54.092.500	-	-	-	-	-
50		11090000	Công ty TNHH Petrolimex Lào	942.947.145	-	-	-	-	-
			PHẦN II: DÀI HẠN						

PHỤ LỤC I - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 05/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ báo cáo: Năm 2015

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HDXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Đơn vị tính: Đồng	Vay và nợ nội bộ
				1	2	3	4	5		
A	B	C	D							6
			PHẦN I: NGÂN HÀNG							
1		11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp - TNHH MTV	213.753.926	2.173.613.943	-	-	-		-
2		11032000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long		91.995.373	-	-	-		-
2		11038000	Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	92.654.376	177.155.880	-	-	-		-
3		11048000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang		121.984.362	-	-	-		-
4		11050000	Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	121.099.550	1.782.478.328	-	-	-		-
			PHẦN II: DÀI HẠN							

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2016
 Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hùng



Nguyễn Văn Quý



Phan Thanh Sơn